**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**HỢP ĐỒNG DỊCH VỤ THỎA THUẬN KHOÁN VIỆC**

*Số: VTS/HDDV/………*

* *Căn cứ Bộ luật Dân sự* số *91/2015/QH13 của nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam được thông qua ngày 24/11/2015 có hiệu lực từ 01/01/2017;*
* *Căn cứ vào nhu cầu và khả năng của các bên dưới đây,*

Hôm nay, ngày …/…./2021 tại Tổng Công ty Giải pháp Doanh Nghiệp Viettel – Chi nhánh Tập đoàn Công nghiệp- Viễn thông Quân đội, chúng tôi gồm:

**Bên giao khoán: Tổng Công ty Giải pháp Doanh nghiệp Viettel – Chi nhánh Tập đoàn Công nghiệp - Viễn thông Quân đội (Gọi tắt là Bên A)**

Địa chỉ : Số 1 Trần Hữu Dực, phường Mỹ Đình 2, Nam Từ Liêm, Hà Nội.

Mã số thuế : 0100109106 - 476

Số tài khoản : 0511185888888

Mở tại: Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Điện Biên Phủ

Số điện thoại: 024.62881188

Người đại diện:Ông **Nguyễn Ngọc Linh** -Quốc tịch: Việt Nam.

Chức vụ: Phó Tổng Giám đốc.

Số CMTND : 001080015275, cấp ngày 26/10/2016, tại: Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư.

*(Theo Giấy ủy quyền số 4742/GUQ-VTS ngày 08/11/2021 của Tổng Giám đốc Tổng Công ty Giải pháp doanh nghiệp Viettel).*

**Bên nhận khoán: Ông Bùi Quang Đức (Bên B)**

Ngày tháng năm sinh: 11/12/1999

Số CMTND: 001099011392 cấp ngày 29/01/2016 tại: Hà Nội

Điện thoại di động: 0334619739

Mã số thuế:

Số TK: 19035669256018

Tại NH: Techcombank – Chi nhánh Bách Khoa.

Hai Bên thỏa thuận ký Hợp đồng khoán việc với các điều khoản sau đây:

**ĐIỀU 1: NỘI DUNG THỎA THUẬN**

1.1. Để thực hiện nhiệm vụ của Tổng Công ty Giải pháp Doanh nghiệp Viettel, Bên A thỏa thuận cùng Bên B hợp tác trên cơ sở khoán việc cho Bên B thường xuyên.

1.2. Bên A sẽ đánh giá, khối lượng, chất lượng công việc của Bên B theo bản xác nhận/ đánh giá kết quả công việc do Bên A quy định để làm cơ sở thanh toán cho Bên B.

1.3. Chế độ làm việc: Bên B thực hiện công việc được giao khoán trong 8h/ngày làm việc x số ngày làm việc theo quy định của Bên A nhưng không quá 48h/1 tuần.

**ĐIỀU 2: GIÁ TRỊ HỢP ĐỒNG VÀ PHƯƠNG THỨC THANH TOÁN**

2.1. Bên A sẽ giao cho Bên B thực hiện công việc đã thỏa thuận thuê khoán với giá trị dự kiến **5.000.000 VNĐ/tháng sau thuế TNCN (Bằng chữ: Năm triệu đồng chẵn)**với điều kiện Bên B phải đảm bảo thực hiện đầy đủ khối lượng và chất lượng công việc được giao khoán theo yêu cầu của Bên A. Giá trị hợp đồng nói trên đã trừ các khoản thuế theo quy định của Nhà nước Việt Nam. Bên A sẽ thực hiện thu thay và nộp thuế TNCN cho Bên B (nếu có).

2.2. Trong trường hợp Bên B không đáp ứng đủ các yêu cầu quy định tại mục 2.1, Điều 2 nói trên, Bên A sẽ đánh giá và thanh toán cho Bên B theo đúng thực tế kết quả công việc: Đánh giá về mặt khối lượng công việc được căn cứ trên bảng chấm công làm việc thực tế; Đánh giá về mặt chất lượng công việc.

2.3. Hình thức thanh toán: Tiền mặt hoặc chuyển khoản

2.4. Thời hạn thanh toán: Trong thời gian 30 ngày kể từ ngày Bên A nhận đủ bộ chứng từ thanh toán sau đây:

- Phụ lục hoặc phiếu, giấy giao việc hàng tháng;

- Bản xác nhận/đánh giá kết quả công việc hàng tháng;

- Bảng chấm công hàng tháng;

- Bảng chi tiết thanh toán thù lao;

- Biên bản nghiệm thu chi phí hàng tháng (nếu có);

- Biên bản thanh lý hợp đồng (nếu có).

**ĐIỀU 3: THỜI GIAN ĐÁNH GIÁ VÀ NGHIỆM THU CÔNG VIỆC**

3.1. Từ ngày 01 đến ngày 05 hàng tháng, Bên A sẽ thực hiện đánh giá khối lượng, chất lượng công việc và ngày công làm việc thực tế của Bên B trong tháng trước liền kề, ký bản đánh giá kết quả thực hiện công việc để làm cơ sở thanh toán cho Bên B.

3.2. Căn cứ vào kết quả đánh giá công việc và Biên bản nghiệm thu chi phí hàng tháng (nếu có), Bên A sẽ thanh toán cho Bên B số tiền theo quy định tại Điều 2 nói trên.

**ĐIỀU 4: QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA CÁC BÊN**

**4.1. *Quyền và nghĩa vụ của Bên A***

4.1.1. Cung cấp đầy đủ thông tin về công việc giao khoán và trang thiết bị cần thiết có liên quan đến công việc để hỗ trợ Bên B thực hiện công việc đạt hiệu quả tốt nhất.

4.1.2. Thanh toán tiền công cho Bên B theo quy định tại Điều 2 của Hợp đồng này.

4.1.3. Yêu cầu Bên B tạm dừng thực hiện công việc theo Hợp đồng; đơn phương chấm dứt thực hiện hợp đồng mà không cần báo trước và yêu cầu bồi thường thiệt hại (nếu có) trong trường hợp Bên B không hoàn thành công việc theo quy định tại Điều 1 của Hợp đồng này hoặc vi phạm cam kết bảo mật thông tin đính kèm hợp đồng này.

***4.2. Quyền và nghĩa vụ của Bên B***

4.2.1. Được cung cấp thông tin và trang thiết bị cần thiết để phục vụ cho công việc.

4.2.2. Được Bên A thanh toán tiền công theo quy định tại Điều 2 của Hợp đồng này.

4.2.3. Phải thực hiện các cam kết bảo mật thông tin đính kèm hợp đồng này hoặc điều chỉnh theo nội quy quy định thay thế có hiệu lực của Bên A.

4.2. 4. Bảo quản trang thiết bị làm việc do Bên A cung cấp. Trong trường hợp hỏng, mất do lỗi của Bên B, Bên B sẽ phải bồi thường thiệt hại cho Bên A theo đúng giá trị thực tế, dựa trên các quy định của Bên A.

4.2.5. Hoàn trả lại cho Bên A các trang thiết bị làm việc do Bên A đã cung cấp ngay sau khi chấm dứt hợp đồng.

4.2.6. Không ủy quyền lại cho Bên thứ ba thực hiện các nghĩa vụ của mình theo Hợp đồng này nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Bên A.

4.2.7. Phải thông báo cho Bên A trước 15 ngày nếu đơn phương chấm dứt hợp đồng;

4.2.8. Bên B sẽ không được nhận tiền công khi đơn phương chấm dứt hợp đồng, trừ quy định tại mục 4.2.7, khoản 4.2, Điều 4 của Hợp đồng này.

**ĐIỀU 5: CHẤM DỨT HỢP ĐỒNG**

Hợp đồng này sẽ chấm dứt trong các trường hợp sau:

5.1. Hết thời gian thực hiện Hợp đồng.

5.2. Hai Bên thỏa thuận chấm dứt Hợp đồng.

5.3. Bên B vi phạm quy định, quy trình làm việc của Bên A hoặc không hoàn thành các công việc được giao khoán đã quy định trong Hợp đồng này.

5.4. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

**ĐIỀU 6: PHẠT VI PHẠM VÀ BỒI THƯỜNG THIỆT HẠI**

Bên nào vi phạm hợp đồng sẽ phải bồi thường thiệt hại cho Bên kia do hành vi vi phạm hợp đồng gây ra. Mức bồi thường thiệt hại sẽ căn cứ vào tình hình thiệt hại thực tế và được xác định theo quy định của Pháp luật.

**ĐIỀU 7: ĐIỀU KHOẢN CHUNG**

7.1. Hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022. Sau khi hai Bên hoàn thành các nghĩa vụ trong hợp đồng sẽ cùng ký biên bản thanh lý hợp đồng.

7.2. Mọi sửa đổi và bổ sung cho Hợp đồng này sẽ chỉ có hiệu lực khi được lập thành phụ lục có chữ ký đầy đủ của đại diện có thẩm quyền của hai Bên và là một phần không thể tách rời của Hợp đồng này.

7.3. Hợp đồng này được lập thành 02 (hai) bản có giá trị pháp lý như nhau, Bên A giữ 01 bản, Bên B giữ 01 bản.

**ĐIỀU 8: GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP**

8.1. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, nếu có vướng mắc sẽ được giải quyết dựa trên sự hòa giải, thương lượng giữa các Bên.

8.2. Nếu tranh chấp không giải quyết được bằng thương lượng, một trong hai Bên có quyền khởi kiện tại Toà án có thẩm quyền tại Việt Nam. Quyết định của Toà án sẽ là quyết định cuối cùng và có giá trị bắt buộc đối với các Bên.

8.3. Án phí và các chi phí liên quan sẽ do Bên thua kiện chịu.

|  |  |
| --- | --- |
| **ĐẠI DIỆN BÊN A** | **ĐẠI DIỆN BÊN B** |